TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2024/HN-ST Ngày: 03/6/2024. *V/v:"Tranh chấp ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Huyền Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

2. Bà **Trần Thị Dung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Trong các ngày 24 tháng 5 và ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2024/TLST–HNST ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc "*tranh chấp ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 303/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **T.T.T.P**, sinh năm 1988

Địa chỉ: 14B1 chung cư C, Mậu Thân, phường An Hoà, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **B.T.T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 14B1 chung cư C, Mậu Thân, phường An Hoà, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: 90 Nguyễn Thái Học nối dài, khu vực Long Thạnh A, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông B.T.T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2012 tại UBND xã Mỹ Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.T.T.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu B.H.G.P (nam), sinh ngày 12/8/2012 và cháu B.H.G.P (nam), sinh ngày 18/5/2015. Hiện nay, cháu G.P và cháu G.P đang sống chung với bà P, nên khi ly hôn bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu G.Pc và G.P, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà T.T.T.P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông B.T.T trình bày ông không đồng ý ly hôn với bà T.T.T.P, đề nghị cho ông thời gian để hàn gắn tình cảm với bà P. Trong trường hợp ly hôn đề nghị cho được quyền nuôi dưỡng hai con chung là cháu B.H.G.P và cháu B.H.G.P; không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: ông B.T.T và bà T.T.T.P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T. Bị đơn ông T có địa chỉ tại phường An Hoà, quận Ninh Kiều nên vụ kiện được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Bà T.T.T.P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà P là có cơ sở phù

hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà ngày 24/5/2024, ông B.T.T có mặt tham dự phiên toà, sau khi kết thúc phần tranh luận do hết thời gian làm việc Hội đồng xét xử thông báo tạm ngừng phiên toà đến ngày 03/6/2024 Hội đồng xét xử sẽ tiếp tục phiên toà xét xử vụ án. Tuy nhiên đến ngày 03/6/2024 ông T vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án vắng mặt ông B.T.T theo quy định.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà T.T.T.P và ông B.T.T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/6/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T.T.T.P nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông B.T.T. Về phía ông T, tại phiên toà ngày 24/5/2024 ông không đồng ý ly hôn với bà Trang, đề nghị cho thời gian thuyết phục vợ để hàn gắn tình cảm, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên toà đến ngày 03/6/2024 sẽ tiếp tục xét xử nhưng phía ông T vắng mặt không có lý do cho thấy đương sự cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T.T.T.P là có cơ sở để chấp nhận.

[4.1] *Về con chung*: ông bà xác nhận có 02 con chung là cháu B.H.G.Pc (nam), sinh ngày 12/8/2012 và cháu B.H.G.P (nam), sinh ngày 18/5/2015. Xét thấy, hiện nay theo lời trình bày của các đương sự, cháu B.H.G.Pc và B.H.G.P đang do ông B.T.T trực tiếp chăm sóc (sáng ông T đưa hai cháu đến trường đi học đến chiều về nhà bà ngoại, tối ông T tan làm đón về ngủ với ông), mặt khác cháu G.Pc và G.P là bé trai cùng có ý kiến muốn ở với cha. Đồng thời, trong gia đình ông T là người có thu nhập chính, ổn định. Về phía bà P cũng có ý kiến nếu các con chọn muốn sống với cha hoặc mẹ bà sẽ nghe theo ý kiến của các con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý, không làm thay đổi môi trường sinh hoạt của hai cháu Hội đồng xét xử quyết định giao cháu G.Pc và G.P cho ông B.T.T trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T.T.T.P. Không ai được quyền ngăn cản bà P thực hiện quyền này.

[4.2] *Về cấp dưỡng*: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: trong bản tự khai của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn đều xác nhận không có. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.T.T.P.

- Về quan hệ hôn nhân: bà T.T.T.P được ly hôn với ông B.T.T.

- Về con chung: giao cháu cháu B.H.G.Pc (nam), sinh ngày 12/8/2012 và cháu B.H.G.P (nam), sinh ngày 18/5/2015 cho ông B.T.T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T.T.T.P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T.T.T.P. Không ai được quyền ngăn cản bà P thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà T.T.T.P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000822 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang